TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **104**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2018

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Hồng Tâm**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Thị Loan.**

2. Bà **Lê Thị Vân**.

- *Thư ký phiên toà*: Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy;

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang*: Ông **Trần Văn Truyền**.

Trong ngày **24** tháng **8** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 117/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp "Xin ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Huy P**, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04/4/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Huy P kết hôn vào năm 1996, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 09/12/1996. Từ năm 2014 đến nay, vợ chồng không hợp nhau về lối sống, cuộc sống có nhiều xung đột, ông P không có trách nhiệm với gia đình. Ông bà đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Nay bà xin ly hôn với ông Nguyễn Huy P.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phương Q, sinh ngày 30/3/1998 đã thành niên và Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 21/02/2001. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Tuấn Đ, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 10/4/2018, bị đơn Nguyễn Huy P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Phương Q, sinh ngày 30/3/1998, đã thành niên và Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 21/02/2001. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Tuấn Đ, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông yêu cầu chia cho ông ½ diện tích 445m^2 trong tổng diện tích 890m^2 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang ước tính giá trị là 100.000.000 đồng và chia cho ông ½ giá trị căn nhà cấp 4 kết cấu vách tường, mái tole, nền gạch diện tích khoảng 120m^2 ước tính giá trị là 30.000.000 đồng. Ông yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, cho bà N được ly hôn với ông Nguyễn Huy P, giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Tuấn Đạt, sinh ngày 21/02/2001 cho bà Nguyễn Thị N nuôi dưỡng và ông P không cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu; tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết; bà N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Nguyễn Huy P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị N:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Huy P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số

13 ngày 09/12/1996, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị N cho rằng từ năm 2014 cho đến nay vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông Nguyễn Huy P là người chồng không trách nhiệm với gia đình, không chăm sóc vợ con. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà Nguyễn Thị N xin được ly hôn với ông Nguyễn Huy P. Tại bản tự khai ngày 10/4/2018, ông Nguyễn Huy P đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị N, nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Thị N là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Phương Q, sinh ngày 30/3/1998 đã thành niên và Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 21/02/2001. Nguyên đơn Nguyễn Thị N và bị đơn Nguyễn Huy P cùng có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Nguyễn Tuấn Đ, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét, tại thời điểm xét xử, cháu Nguyễn Tuấn Đ đã hơn 17 tuổi và có nguyện được sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn Nguyễn Thị N phù hợp khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: nguyên đơn Nguyễn Thị N không yêu cầu bị đơn Nguyễn Huy P cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Huy P có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, cụ thể ông Nguyễn Huy P yêu cầu Tòa án cho ông ½ diện tích 445m^2 trong tổng diện tích 890m^2 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang ước tính giá trị là 100.000.000 đồng và chia cho ông ½ giá trị căn nhà cấp 4, kết cấu vách tường, mái tole, nền gạch diện tích khoảng 120m^2 ước tính giá trị là 30.000.000 đồng, ông Nguyễn Huy P yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Tuy nhiên, ngày 01/6/2018 Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy thông báo cho ông Nguyễn Huy P nộp tạm ứng án phí yêu cầu chia tài sản chung với số tiền 3.250.000 đồng nhưng hết thời hạn, ông Nguyễn Huy P không nộp tạm ứng án phí và nộp biên lai tạm ứng án phí cho Tòa án theo quy định, nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn Huy P. Trường hợp ông Nguyễn Huy P và bà Nguyễn Thị N có tranh chấp tài sản chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Nguyên đơn Nguyễn Thị N và bị đơn Nguyễn Huy P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Huy P.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Phương Q, sinh ngày 30/3/1998 đã thành niên và Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 21/02/2001. Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 21/02/2001 cho bà Nguyễn Thị N nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Huy P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị N không yêu cầu.

Ông Nguyễn Huy P có quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản ông P thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết;

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 15386 ngày 20/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Huy P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Ngũ Hiệp, H Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm